

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 21-10-2019.  
V/v tranh chấp Ly hôn giữa  
Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Cao Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Văn Quyết.  
2. Ông Bùi Văn Ổn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Chị Bùi Thị K, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Bùi Văn T trình bày: anh và chị Bùi Thị K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 18/01/2019. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chỉ được thời gian ngắn. Đến tháng 3 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh. Nguyên nhân do hai bên tính tình không hợp nhau; chị K không chịu khó làm ăn, đi đâu, làm gì không bàn bạc gì với anh T. Anh T khuyên can nhiều lần nhưng chị K không thay đổi mà ngày càng xa lánh anh T. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; chị K đã đề nghị ly hôn và hai vợ chồng đã đồng thuận ly hôn nhưng khi anh T làm thủ tục ly hôn thì chị K bỏ nhà sống ly thân với anh

Thọ từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Quá trình sống ly thân anh T và chị K không còn quan tâm đến nhau nữa; hiện chị K đi đâu, làm gì anh T không biết. Nay anh Bùi Văn T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị K. Về con chung: anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, anh Bùi Văn T khai là không có.

Về phía chị Bùi Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của chị Bùi Thị K thể hiện chị Bùi Thị K có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ anh T đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định nên không lấy được ý kiến của chị Bùi Thị K. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về con chung, nợ chung của vợ chồng: Đã được Tòa án xác minh, thể hiện: anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân nhau và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Bùi Thị K không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị Bùi Thị K đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị Bùi Thị K. Do bị đơn là chị Bùi Thị K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị K đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị K theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa anh T và chị K có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng anh T chị K do không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng với nhau về quan điểm; giữa anh T và chị K không có tình cảm vợ chồng thể hiện qua việc mâu thuẫn nảy sinh sau khi kết hôn thời rất gian ngắn (2 tháng). Mâu thuẫn trầm trọng đến mức vợ chồng sống ly thân nhau. Quá trình sống ly thân anh T, chị K cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, anh T và chị K đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không có, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Xác nhận anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K không có con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Xác định không có.

[5] *Án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T về việc xin ly hôn; cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị K.

2. Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị K không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

4. Án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000722 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; anh Bùi Văn T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm

yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã V – Lạc Sơn – HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 18/01/2019)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Phạm Cao Sơn**